

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 58/2020/ HSST.

Ngày: 19/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Tuấn.

Bà Mai Thị Tiếp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2020/ HSST ngày 16/01/2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo: **Cao Văn T** - sinh năm 1977; ĐKNKTT: Đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Cao Văn Th (đã chết) và con bà Tô Thị H; có vợ Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và có 02 con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; tiền án: Ngày 14/4/2010 TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 27/9/2017 TAND thành phố T xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”(Ngày 05/7/2019 chấp hành xong hình phạt); tiền sự: không; nhân thân: Ngày 25/4/2006 TAND thành phố T xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng; Ngày 24/8/2006 TAND thành phố T xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với 15 tháng tù tại bản án ngày 25/4/2006, tổng hợp hình phạt chung của 2 bản án là 30 tháng; Ngày 19/10/2006 TAND thành phố T xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với 30 tháng tù tại bản án trước, hình phạt chung là 45 tháng tù; Ngày 08/6/2012 Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày

23/9/2016 Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 21/3/2017 Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; Ngày 05/8/2017 Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 30/9/2017 Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ: 08/10/2019; tạm giam: 17/10/2019; hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Cao Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào hồi 16h ngày 08/10/2019, tại khu vực đường T, phường Đ, thành phố T, tổ tuần tra Công an phường Đ, thành phố T phát hiện bắt quả tang Cao Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại thời điểm kiểm tra, T đã tự giác giao nộp cho tổ tuần tra 01 gói nilong màu trắng có kích thước (3x4)cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng, T khai đây là ma túy mua để sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 2304/PC09 ngày 15/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T giám định kết luận: Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,422 gam, loại: Methamphetamine.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Cao Văn T khai nhận: Do bản thân nghiện ma túy nên vào hồi 15h ngày 08/10/2019, T gọi điện cho một người đàn ông tên là T (biệt danh T nhồi) nhà ở phường A, thành phố T để hỏi mua ma túy, T đã hẹn T đến phòng 204 nhà nghỉ L ở xã Đ, thành phố T để trao đổi mua bán ma túy. Tại đây, T đã mua được của T 01 gói ma túy đá với giá 600.000đ. Sau khi mua được ma túy T cầm trên tay và đi về tìm nơi sử dụng, khi đi đến đường T, phường Đ, thành phố T thì bị tổ tuần tra Công an phường Đ phát hiện bắt quả tang thu giữ tang vật.

Đối với người đàn ông T khai tên T đã bán ma túy cho T, cơ quan điều tra xác minh triệu tập Lê Thiệu T, sinh năm 1978, trú tại tổ N, phường A, thành phố T để làm rõ hành vi vi phạm. Quá trình làm việc tại cơ quan Công an, Lê Thiệu T khai không bán ma túy cho T vào ngày việc bán ma túy cho T như T báo cáo, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý đối với Lê Thiệu T.

Cáo trạng số 43/CT-VKSTPTH ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Cao Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố T luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 07 năm tù, tịch thu tiêu hủy số ma túy sau giám định.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Do nghiện ma túy, khoảng 16h ngày 08/10/2019, tại khu vực đường T, phường Đ, thành phố T, tổ tuần tra Công an phường Đ, thành phố T phát hiện bắt quả tang Cao Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy 01 gói nilong màu trắng có kích thước (3x4)cm bên trong đều chứa các hạt tinh thể màu trắng, có khối lượng 1,422 gam loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang và thu giữ tang vật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Cao Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Cao Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của BLHS.

[3]. Bị cáo là đối tượng biết rõ ma túy có tác hại nhiều mặt đến đời sống trong các quan hệ xã hội, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa lành mạnh. Đặc biệt ma túy còn là một trong những tác nhân làm lây truyền căn bệnh HIV/AIDS phát triển, nhất là đối với những người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, vì có

tác hại như vậy nên nhà nước ta đã có nhiều biện pháp tuyên truyền giáo dục, nhằm ngăn chặn các tệ nạn và hoạt động có liên quan đến ma túy. Trong vụ án này bị cáo vì nghiện ma túy dẫn đến phạm tội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn tạo ra dư luận xấu trong nhân dân, tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[4] Nhân thân bị cáo có 03 tiền án và 05 tiền sự tuy đã được xóa án nhưng vẫn khẳng định bị cáo có nhân thân xấu lại là đối tượng nghiện ma túy, phạm loại tội rất nghiêm trọng. Vì lẽ đó cần phải cách ly khỏi xã hội để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa sai phạm. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Trong vụ án này bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng, do đó không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Số Methamphetamine thu được của bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành và 01 chiếc điện thoại Philips màu đen, Imel: 865008031379917, điện thoại không có pin, không có nắp lưng sau (điện thoại đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) là công cụ dùng vào việc phạm tội, cần căn cứ vào khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS để tịch thu tiêu hủy toàn bộ ma túy và tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn T 06(sáu) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2019.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ma túy được niêm phong tại phong bì và có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Philips màu đen, Imel: 865008031379917, điện thoại không có pin, không có nắp lưng sau (điện thoại đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong. Hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 70/THA ngày 05/02/2020.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDTPH;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh